TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tâm
2.Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXX-ST ngày 23/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐ-ST ngày 11/7/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1994 (vắng mặt).
Trú quán: Thôn Cao Đồng, xã Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B.

***Bị đơn**: Anh Lương Đức V, sinh năm: 1992. (vắng mặt).
Trú quán: Thôn Cao Đồng, xã Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B.
(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của anh Lương Đức V tại Việt Nam là thôn Cao Đồng, xã Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B.

+***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***
1. Ông Lương Đức T, sinh năm: 1971. (vắng mặt).
2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1970. (vắng mặt).

Đều trú quán: Thôn Cao Đồng, xã Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai ngày 03/6/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án,nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lương Đức V có kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B ngày 12/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Đến năm 2018 thì anh V đi lao động tại nước ngoài, kể từ khi anh V đi nước ngoài đến nay vẫn chưa về nước thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa cách nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến năm 2019 thì chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ khi anh V đi nước ngoài và vợ chồng đã chấm dứt tình cảm và kinh tế với nhau và cả hai bên đều thỏa thuận đồng ý ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Đức V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lương Quỳnh Anh, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Lương Quỳnh Châu, sinh ngày 01/5/2018. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh V và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị được giao cả hai cháu Lương Quỳnh Anh, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Lương Quỳnh Châu, sinh ngày 01/5/2018 cho anh V nuôi dưỡng vì hiện nay chị chưa có công việc làm ổn định, thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương và vẫn đang ở cùng bố mẹ đẻ nên không đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dậy các con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T còn trình bày: Hiện nay anh V vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi anh V nhưng anh V không cung cấp địa chỉ cho chị được biết, anh V vẫn liên lạc về cho bố mẹ đẻ anh V là ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị K, trú tại: Thôn Cao Đồng, xã Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B. Đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh V thông qua bố mẹ đẻ của anh V.

Hiện nay, chị đang đi làm ở xa nên chị không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh

chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh V được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lương Đức V.

Bị đơn anh Lương Đức V không có bản tự khai.

Ngày 10/6/2022 và ngày 20/6/2022 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của anh Lương Đức V là ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị K trú tại: Thôn Cao Đồng, xã Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông T bà K thông báo cho anh V biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lương Đức V; yêu cầu anh V V bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông T, bà K cung cấp địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông T, bà K vẫn giữ nguyên quan điểm là anh V ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông, bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh V, ông bà đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh V biết để anh V gửi quan điểm, lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh V gửi về.

Tại đơn trình bày ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị K trình bày: Ông, bà là ông bà nội của cháu Lương Quỳnh Anh và cháu Lương Quỳnh Châu, từ bé đến nay hai cháu vẫn ở với ông bà, kể khi anh V đi nước ngoài tới nay các cháu vẫn ở với ông bà, các cháu được đi học và phát triển bình thường, con trai ông bà là anh Lương Đức V vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho ông bà và gia đình để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lương Quỳnh Anh và Lương Quỳnh Châu.

Tại đơn trình bày cháu Lương Quỳnh Anh trình bày: Cháu là con của bố Lương Đức V và mẹ Nguyễn Thị T, hiện nay cháu đang ở cùng với bố Lương Đức V và ông bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố cháu là Lương Đức V.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tvắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lương Đức V vắng mặt không có lý do.

Thẩm phán thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T; Biên bản làm việc với bố mẹ đẻ của anh V là ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị K; Đơn đề nghị của cháu Lương Quỳnh Anh và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Lương Đức V không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh V; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh V là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lương Đức V.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lương Quỳnh Anh, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Lương Quỳnh Châu, sinh ngày 01/5/2018 cho anh Lương Đức V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nhưng tạm giao cháu Lương Quỳnh Anh, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Lương Quỳnh Châu, sinh ngày 01/5/2018 cho ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị K nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh V ở nước ngoài. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

Đối với bị đơn anh Lương Đức V vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của anh V là ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị K để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông T, bà K thông báo cho anh V biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lương Đức V; Yêu cầu anh V V bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông T, bà K cung cấp địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài. Ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị K trình bày: Anh V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông T bà K vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh V cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh V biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Lương Đức V theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly anh Lương Đức V, anh V hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 12003/QLXNC-P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 10/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh Vđã xuất cảnh ngày 25/12/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của anh V ở Việt Nam là: Thôn Cao Đồng, xã Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân:Chị Nguyễn Thị T và anh Lương Đức V có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2012 tại UBND Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B, được Ủy ban nhân dân xã Đồng Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký két hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Đồng Phúc, huyện YD, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Đến năm 2018 thì anh V đi lao động tại nước ngoài, kể từ khi anh V đi nước ngoài thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa cách nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến năm 2019 thì chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và vợ chồng đã chấm dứt tình cảm và kinh tế

với nhau và cả hai bên đều thỏa thuận đồng ý ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Đức V.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh V chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2018 thì anh V đi xuất khẩu lao động, kể từ khi anh V đi nước ngoài thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2019 thì chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng ít liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị Tđược ly hôn anh Lương Đức V.

[**4]. Về nuôi con chung**: Chị Nguyễn Thị T và anh Lương Đức V có 02 con chung là cháu Lương Quỳnh Anh, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Lương Quỳnh Châu, sinh ngày 01/5/2018. Hiện nay, cháu Lương Quỳnh Anh và cháu Lương Quỳnh Châu đang ở với anh V và ông bà nội. Ly hôn chị T đề nghị giao cháu Lương Quỳnh Anh, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Lương Quỳnh Châu, sinh ngày 01/5/2018 cho anh Lương Đức V nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi anh V đi nước ngoài lao động đến nay thì cháu Lương Quỳnh Anhvà cháu Lương Quỳnh Châu vẫn ở cùng với anh V và ông bà nội (bố mẹ anh V) các cháu được ông bà nội chăm sóc phát triển bình thường, anh V vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh để nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu, thường xuyên liên lạc về hỏi thăm và động viên các cháu. Chị T hiện không có công việc ổn định thường đi làm ăn xa và hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương Quỳnh Anh và cháu Lương Quỳnh Châu. Do vậy, chị T đề nghị giao con chung là cháu Lương Quỳnh Anh, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Lương Quỳnh Châu, sinh ngày 01/5/2018 cho anh Lương Đức V nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Giao con chung là cháu Lương Quỳnh Anh, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Lương Quỳnh Châu, sinh ngày 01/5/2018 cho anh Lương Đức V là người

trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Tuy nhiên, hiện nay anh V đang đi lao động tại nước ngoài nên cần tạm giao cho ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị K chăm sóc cháu Lương Quỳnh Anhvà cháu Lương Quỳnh Châu trong thời gian anh V ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] .Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lương Đức V.

2.Về con chung: Giao cho anh Lương Đức V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lương Quỳnh Anh, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Lương Quỳnh Châu, sinh ngày 01/5/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho ông Lương Đức T và bà Nguyễn Thị K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục

cháu Lương Quỳnh Anh và cháu Lương Quỳnh Châu trong thời gian anh Lương Đức V ở nước ngoài.

Chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000464 ngày 07/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

4.**Về quyền kháng cáo bản án**: Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Lương Đức V hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Đồng Phúc, YD, tỉnh B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Văn Chiến Nguyễn Hoàng Tâm

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà